TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2020/DS-ST
Ngày: 31-8-2020
V/v tranh chấp *"Hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN,TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Diệu Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hữu Tấn.

2. Ông Phạm Thành Ngôn.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 223/2020/QĐST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Trụ sở: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Đức Thạch D. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Đức Thạch D: Ông Trần Minh S – Chức vụ: Giám đốc chi nhánh An Giang (theo Giấy ủy quyền số 1186/2020/GUQ-PL ngày 07/5/2020).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Minh S: Ông Huỳnh Hùng K – Chức vụ: Phó Phòng khách hàng cá nhân. (theo Giấy ủy quyền ngày 15/5/2020). (Có mặt).

Địa chỉ: số 161 Nguyễn Trường Tộ, khóm B, phường K, thành phố, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Mạc Vinh Q, sinh ngày 08/06/1989. (Vắng mặt).

Địa chỉ: 344 Trần Hưng Đạo, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Huỳnh Hùng Khang trình bày:

Ngân hàng thương mại cổ phần S (viết tắt là Ngân hàng) đã cho ông Mạc Vinh Q vay vốn theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) ngày 25/4/2014, số thẻ 356481-72000. Căn cứ thu nhập của ông Q, Ngân hàng đã cấp tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, ông Q đã thực hiện giao dịch rút tiền mặt nhiều lần với tổng số tiền là 120.253.435 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Q đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 80.802.000 đồng nên từ ngày 05/11/2019 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tại đơn khởi kiện, tính đến ngày 30/4/2020 ông Q còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 72.025.779 đồng (trong đó nợ gốc 56.695.347 đồng, nợ lãi 15.330.432 đồng).

Tại phiên tòa, Ngân hàng rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc 6.251.019 đồng, yêu cầu ông Q có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số nợ gốc: 50.444.328 đồng và tiền lãi, phí sử dụng thẻ tính đến ngày Tòa án xét xử (31/8/2020) là 28.959.788 đồng. Tổng cộng là 79.404.116 đồng và lãi phát sinh trên trên số dư nợ chưa thanh toán cho đến khi trả dứt nợ.

Bị đơn ông Mạc Vinh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không rõ lý do. Nên Tòa án không ghi nhận ý kiến của ông Q về nội dung đơn khởi kiện của Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Ngân hàng Thương mại cổ phần S (viết tắt là Ngân hàng) khởi kiện ông Mạc Vinh Q, ông Q có nơi cư trú tại phường Mỹ Xuyên, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Căn cứ Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Ngân hàng khởi kiện ông Mạc Vinh Q yêu cầu trả tiền vốn vay và lãi phát sinh theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 25/4/2014. Do đó, xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Ngân hàng Thương mại cổ phần S do bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho ông Trần Minh S – Chức vụ: Giám đốc chi nhánh An Giang (theo Giấy ủy quyền số 1186/2020/GUQ-PL ngày 07/5/2020). Ông Trần Minh S ủy quyền lại cho ông Huỳnh Hùng K – Chức vụ: Phó Phòng khách hàng cá nhân. (theo Giấy ủy quyền ngày 15/5/2020).

Thủ tục ủy quyền trên là phù hợp theo quy định tại các Điều 85, Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận ông Khang tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và được thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự theo nội dung văn bản ủy quyền.

[4] Bị đơn ông Mạc Vinh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[5] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc 6.251.019 đồng. Xét thấy, việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền nợ gốc 6.251.019 đồng.

[6] Ngân hàng yêu cầu ông Q trả tổng cộng vốn và lãi là 79.404.116 đồng. Trong đó, nợ gốc 50.444.328 đồng, nợ lãi và phí sử dụng thẻ 28.959.788 đồng. Đồng thời yêu cầu ông Q phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) ngày 25/4/2014 trên số dư nợ chưa thanh toán cho đến trả dứt nợ.

[7] Hội đồng xét xử xét thấy hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) ngày 25/4/2014, giữa Ngân hàng và ông Q được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, hình thức và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng phía ông Q đã không thực hiện nghĩa vụ trả vốn, lãi suất đúng hạn là vi phạm nghĩa vụ của bên vay.

Do đó, việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Q trả nợ gốc 50.444.328 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Đối với yêu cầu tính lãi, xét thấy theo thỏa thuận tại mục 1.9 của Điều 1, Điều 22 và Điều 23 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần S có hiệu lực từ ngày 15/8/2014 thì việc ông Q không thanh toán tiền lãi phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại phù hợp với Điều 22 đối với toàn bộ dư nợ theo quy định của đơn vị phát hành thẻ. Do đó, việc Ngân hàng yêu cầu ông Q trả số tiền lãi và phí sử dụng thẻ tổng cộng là 28.959.788 đồng, là có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[9] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông Q có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S nợ gốc 50.444.328 đồng, lãi và phí sử dụng thẻ là 28.959.788 đồng (tính đến ngày 31/8/2020), tổng cộng là 79.404.116 đồng. Đồng thời, ông Q còn phải tiếp tục chịu

khoản tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (31/8/2020) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc cho Ngân hàng.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên ông Q phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 85, 86, 144, 147, 227, 228, 235, 244, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với số tiền nợ gốc 6.251.019 đồng *(Sáu triệu, hai trăm năm mươi mốt nghìn, không trăm mười chín đồng)*.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S.

- Buộc ông Mạc Vinh Q có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền 79.404.116 đồng. Trong đó, nợ gốc 50.444.328 đồng, nợ lãi và phí sử dụng thẻ 28.959.788 đồng (tính đến ngày 31/8/2020).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 31/8/2020), ông Mạc Vinh Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Mạc Vinh Q phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Mạc Vinh Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.970.206 đồng *(Ba triệu, chín trăm bảy mươi nghìn, hai trăm lẻ sáu đồng)*.

Ngân hàng thương mại cổ phần S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 1.800.000 đồng *(Một triệu, tám trăm nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003040 ngày 21/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Ngân hàng thương mại cổ phần S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Mạc Vinh Q được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự "Để thi hành";
- VKSND TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS TPLX;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP (5).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Diệu Tiên